

**THÔNG BÁO**  
**Về việc nâng bậc lương thường xuyên và**  
**nâng bậc lương trước thời hạn năm 2024**

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Công văn số 473/UBND-NC thống nhất cấp độ thành tích và thời gian thực hiện chế độ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; Quyết định số 347/QĐ-SNgV ngày 26/12/2023 của Sở Ngoại vụ ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Lạng Sơn;

Hội đồng nâng bậc lương của Sở Ngoại vụ đã họp và rà soát danh sách nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*tính đến ngày 31/12/2023 tổng số có mặt là 27 người, trong đó công chức là 22 người, viên chức là 05 người*). Kết quả trong năm 2024 Sở có 08 CCVC đến kỳ nâng bậc lương thường xuyên, trong đó: 05 CCVC thuộc đối tượng được nâng bậc lương thường xuyên, 03 CCVC được xét nâng bậc lương trước thời hạn 6 tháng và 12 tháng.

(*Biểu 1, Biểu 2 chi tiết kèm theo*)

Sở Ngoại vụ thông báo tới cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để biết. Đề nghị các đồng chí được nâng lương tự rà soát lại thông tin (*ngày, tháng, năm sinh, mã ngạch, hệ số, bậc, thời điểm nâng bậc lương...*) của mình để đảm bảo chính xác.

Kể từ ngày ban hành thông báo này đến hết ngày **31/01/2024**, công chức, viên chức nếu có ý kiến phản hồi, xin gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét quyết định. Quá thời hạn trên nếu Văn phòng không nhận được ý kiến góp ý thì coi như là đồng ý./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Các phòng CMNV;
- TTTDVĐN;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, HSNL.

**TL. GIÁM ĐỐC**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Hoàng Thị Kim Oanh**

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ NGOẠI VỤ



**DANH SÁCH CBCCVN DỰ KIẾN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 48/TB-SNgV ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Sở Ngoại vụ)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	M. lương hiện hưởng				Nâng lương lần sau				Giấy khen năm	Chiến sĩ TĐCS Năm	Bảng khen năm	Năm đã được NL trước TH	Ghi chú
				Năm	Bậc	Hệ số		Năm	Bậc	Hệ số						
						Lương	Chức vụ			Lương	Chức vụ					
A	B	I	2	5	6	7	8	13	14	15	16					
<b>II VẤN PHÒNG SỞ</b>																
1	Nguyễn Lê Quyên	Cán sự	17/11/1983	01/01/2022	7	3.06		01/07/2023	8	3.26		2021, 2022, 2023			6T năm 2014	Dự kiến NBLTTH 6 tháng
2	Văn Thị Thúy Hồng	Chuyên viên	11/03/1982	01/11/2021	5	3.66		01/05/2024	6	3.99		2021, 2022,			6T năm 2015	Dự kiến NBLTTH 6 tháng
<b>II TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ ĐỐI NGOẠI</b>																
3	Lã Văn Việt	Viên chức	19/11/1976	01/01/2021	7	4.32		01/01/2023	8	4.65				BK của CT UBND tỉnh năm 2022		Dự kiến NBLTTH 12 tháng

- Trường hợp Nguyễn Thị Thu Hiền đã được nâng lương trước thời hạn năm 2021, theo quy định sẽ không thực hiện 02 lần liên tiếp NBLTTH trong cùng ngạch (Căn cứ theo điểm d, Khoản 1 Điều 3 Thông tư 08/2013/TT-BNV);
- Các thành tích khen sẽ được bảo lưu cho lần xét nâng lương kỳ tới nếu đủ điều kiện./.

## DANH SÁCH CBCCVC ĐÈN KỲ THỰC HIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 27 người (17 công chức, 05 viên chức, 05 người lao động)

TT	Họ và tên - Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức vụ (nếu có)	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số, lương trước khi được nâng bậc					Dự kiến Bậc lương sau khi được nâng lương							Ghi chú	Đã nâng trước thời hạn
		Nam	Nữ			Ngạch hoặc chức danh	Bậc trong ngạch hoặc trong chức danh hiện giữ	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời điểm được xếp	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Ngạch hoặc chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Hệ số chênh lệch do nâng bậc	Số tháng được hưởng bậc lương mới		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>A CƠ QUAN</b>																			
<b>I Sở Ngoại vụ</b>																			
1	Mã Thị Thu		14/12/1975	Đại học	Phó TP	01.003	6	3.99	01/7/2021		01.003	7	4.32	01/7/2024		0.33	6	3,564	2015 (6T)
2	Nguyễn Lệ Quyên		17/11/1983	Trung cấp		01.004	7	3.06	01/01/2022		01.004	8	3.26	01/01/2024		0.2	12	4,320	2014 (6T)
3	Ong Hương Trang		22/4/1989	Đại học Luật		01.003	4	3.33	01/5/2021		01.003	5	3.66	01/5/2024		0.33	6	3,564	2018 (6T)
4	Nguyễn Thị Thu Hiền		02/8/1987	Đại học	Phó TP	01.003	4	3.33	01/06/2021		01.003	5	3.66	01/06/2024		0.33	7	4,158	2021 (6T)
5	Văn Thị Thúy Hồng		11/03/1982	Đại học		01.003	5	3.66	01/11/2021		01.003	6	3.99	01/11/2024		0.33	2	1,188	2015 (6T)
6	Lê Mạnh Kiên	15/10/1979		Đại học		01.003	7	4.32	01/03/2021		01.003	8	4.65	01/03/2024		0.33	10	5,940	
<b>B ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>																			
<b>I Trung tâm Thông tin và Dịch vụ đối ngoại</b>																			
1	Hứa Văn Dương	28/8/1981		Đại học		06.031	4	3.33	01/4/2021		06.031	5	3.66	01/4/2024		0.33	9	5,346	
2	Lã Văn Việt	19/11/202		Đại học		01.003	7	4.32	01/01/2021		01.003	8	4.56	01/01/2024		0.24	12	5,184	
																	33,264		